

GIẢM THIỂU KHOẢNG CÁCH SỐ CỦA NGƯỜI DÙNG THƯ VIỆN: GÓC NHÌN TỪ THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Lương Ninh
Thư viện Quốc gia Việt Nam

Tóm tắt: Sự phát triển của công nghệ thông tin (CNTT) toàn cầu đã tạo ra một khoảng cách rõ rệt giữa những người có quyền tiếp cận thiết bị công nghệ để truy cập và những người không có quyền tiếp cận, khoảng cách này tồn tại trong tất cả các ngành có yếu tố CNTT phụ trợ, thư viện cũng không ngoại lệ. Bài viết này tập trung giới thiệu về vai trò của Thư viện Quốc gia Việt Nam trong việc làm giảm khoảng cách số của người dùng thư viện. Các nỗ lực như: tăng cường trang bị hạ tầng công nghệ; đào tạo người dùng thư viện; tạo lập nội dung số; và, tăng cường hợp tác quốc tế là các yếu tố giúp cho người dùng thư viện có điều kiện tiếp cận công nghệ trong việc tìm kiếm và khai thác thông tin một cách công bằng, đồng thời làm giảm khoảng cách số tồn tại giữa họ.

Từ khóa: Thư viện Quốc gia Việt Nam; Khoảng cách số; Tài liệu số; Người dùng thư viện

REDUCING THE DIGITAL DIVIDE FOR LIBRARY USERS: A PERSPECTIVE FROM THE NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Nguyen Luong Ninh
National Library of Vietnam

Abstract: The global development of information technology (IT) has created a noticeable divide between those who have access to technology and those who do not, a gap that exists across all IT-driven industries, including libraries. This article focuses on the role of the National Library of Vietnam in bridging the digital divide for library users. Efforts such as enhancing IT infrastructure, providing user training, developing digital content, and strengthening international cooperation, those are key factors that help library users gain equitable access to technology for information retrieval and utilization, thus reducing the existing digital divide among them.

Keywords: National Library of Vietnam; Digital divide; Digital documents; Library users

Nhận bài: 30/9/2024

Phản biện: 21/10/2024

Duyệt đăng: 24/10/2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ giữa những năm 90 của thế kỷ trước, thế giới đã chú ý nhiều đến thuật ngữ về việc “truy cập không bình đẳng” đối với các phương tiện truyền thông mới, nhưng trước đó, các thuật ngữ như: “bất bình đẳng thông tin”, “khoảng cách thông tin”, “khoảng cách tri thức”, “máy tính”, “kiến thức truyền thông” đã được sử dụng rộng rãi. Cho đến ngày nay, thuật ngữ “khoảng cách số” đã dần dần xuất hiện và trở thành một khái niệm mới trong tất cả các ngành nghề trong xã hội.

Tiền thân của suy nghĩ về “khoảng cách số” là các ý niệm về việc “có thông tin” và “không có thông tin”, lập luận này được đề cập nhiều lần trong các báo cáo của USDC (1995; 1998; 1999; 2000). Để làm rõ vấn đề này, OECD (2001) đã đề cập đến thuật ngữ “khoảng cách số”. Theo đó, thuật ngữ này dùng để chỉ khoảng cách giữa các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và các khu

vực địa lý ở các cấp độ kinh tế - xã hội khác nhau, liên quan đến các cơ hội truy cập công nghệ thông tin và truyền thông và sử dụng Internet cho nhiều hoạt động khác. Theo một cách tiếp cận rộng lớn hơn, Islam & Tsuji (2011), cho rằng khoảng cách số thường được đo bằng khả năng tiếp cận công nghệ giữa con người với nhau. Khoảng cách này tồn tại ở hầu hết các quốc gia, kể cả giữa những quốc gia có quyền truy và tiếp cận công nghệ và những quốc gia không có quyền truy cập. Tại Việt Nam, khái niệm khoảng cách số là khái niệm không còn xa lạ trên các phương tiện truyền thông. Đặc biệt, trong văn bản pháp lý, theo Điều 4 Luật Công nghệ thông tin 2006, khoảng cách số đã được định nghĩa rõ ràng, theo đó, “khoảng cách số là sự chênh lệch về điều kiện, khả năng sử dụng máy tính và cơ sở hạ tầng thông tin để truy nhập các nguồn thông tin, tri thức”.

Nhìn chung, khoảng cách số là khoảng cách về

năng lực số giữa con người với con người. Những người ít có khả năng tiếp cận công nghệ thông tin và viễn thông thường có ít cơ hội và gặp nhiều khó khăn, không chỉ giữa các quốc gia với quốc gia với nhau cũng tồn tại khoảng cách này mà len lỏi trong tất cả các ngành nghề có yếu tố công nghệ phụ trợ cũng tồn tại khoảng cách số. Thư viện cũng không phải một phạm trù ngoại lệ.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1 Một số vấn đề về khoảng cách số trong hoạt động thư viện

Tại Việt Nam, nghiên cứu về khoảng cách số của người dùng thư viện còn khá mới mẻ và dường như vẫn là một chủ đề chưa được khai thác nhiều. Ngược lại, ở một số nước phát triển, nghiên cứu về chủ đề này đã được thực hiện từ lâu và cho ra nhiều kết quả ý nghĩa, giúp các nhà quản lý đưa ra chính sách phù hợp nhất làm giảm dần khoảng cách số, vốn là yếu tố tạo nên sự bất lợi và thiếu bình đẳng trong cách tiếp cận công nghệ thông tin và viễn thông. Các nghiên cứu về khoảng cách số đã thực hiện và trở thành cơ sở cho một số định hướng:

Vai trò của thư viện công cộng trong việc thu hẹp khoảng cách số

Thư viện công cộng đóng một vai trò quan trọng trong việc làm cầu nối thu hẹp khoảng cách số bằng cách cung cấp quyền truy cập vào tài nguyên số, cơ sở hạ tầng công nghệ và các chương trình năng lực số. Người lao động, người có thu nhập thấp, cơ bản là những người hạn chế trong việc tiếp cận thông tin, theo Gautam (2014), thư viện có máy tính kết nối với Internet, có nhân lực để giúp người dùng là những người lao động đến với công nghệ một cách thân thiện và hữu ích, giúp truy cập Internet hiệu quả. Từ đó, họ có thể tiếp cận với các nhà quản lý, các tổ chức phi lợi nhuận, các dịch vụ công cộng cung cấp cho cộng đồng. Ở góc độ chi tiết hơn về truyền tải thông tin và tri thức đến được với người dùng thư viện, Manzuch và Maceviciute (2018) cho rằng thư viện là nơi sàng lọc nguồn cung cấp các nội dung đa phương tiện khác nhau cho nhu cầu của người dùng. Trong khi đó, các nhà xuất bản làm tăng thêm giá trị cho sản phẩm của họ như sách, báo thông qua quá trình biên tập nội dung thì thư viện làm tăng thêm giá trị cho các xuất bản đó thông qua việc tổ chức tài nguyên thông tin, thêm siêu dữ liệu, gắn thẻ và cung cấp phương tiện để người dùng khám phá, học tập như máy tính và các thiết bị kết nối. Trong mọi nỗ lực làm giảm đi

khoảng cách số, cán bộ thư viện được cho là một nhân tố cực kỳ quan trọng trong hoạt động này. Theo Geoffrey (2023), câu hỏi đặt ra là, cán bộ thư viện có thể làm được gì trong bối cảnh đặc biệt là ở những nước đang phát triển, để làm giảm đi khoảng cách số này? Trong nỗ lực thu hẹp khoảng cách số, các thủ thư ở Malawi đang tham gia vào một số hoạt động như: đào tạo trực tuyến kỹ năng tìm kiếm và truy xuất thông tin, vận động hành lang với chính phủ để đưa vào nước miễn thuế thiết bị công nghệ thông tin cho mục đích giáo dục, tạo điều kiện tăng băng thông Internet và vận động hành lang với chính phủ để cải thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin ở các vùng nông thôn. TK 126xxx2425

Phát triển chương trình, dịch vụ thư viện

Nghiên cứu giúp các thư viện công cộng phát triển các chương trình và dịch vụ nhằm giải quyết khoảng cách số một cách hiệu quả. Bằng cách hiểu các rào cản cụ thể mà các nhóm người dùng khác nhau gặp phải, thư viện có thể đưa ra các sáng kiến để thúc đẩy hòa nhập số, cải thiện kỹ năng hiểu biết về kỹ thuật số và cung cấp quyền truy cập vào các nguồn tài nguyên số. Kết quả nghiên cứu có thể phát triển các chương trình phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của người dùng thư viện khác nhau. Rhinesmith và Nisim (2019) thực hiện nghiên cứu trên tác động của bộ Internet di động trong các thư viện công cộng như một phương tiện bắc cầu, nối liền khoảng cách số. Nghiên cứu xem xét cách thức các bộ công cụ này, bao gồm các thiết bị và điểm truy cập di động, có thể mở rộng truy cập số và hỗ trợ các sáng kiến về năng lực số. Nhằm mục đích thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số trong các cộng đồng có thu nhập thấp, nghiên cứu của Melissa (2018) xem xét tác động của chương trình cho mượn công nghệ di động trong các thư viện công cộng và cung cấp thông tin chuyên sâu cho chương trình phát triển cộng đồng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG LÀM GIẢM KHOẢNG CÁCH SỐ CỦA THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM

3.1 Về Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thư viện Quốc gia Việt Nam (TVQG), theo Luật Thư viện 2019, là một thiết chế đặc biệt, là thư viện trung tâm của cả nước. Tuy nhiên, với bản chất là nơi cung cấp nguồn thông tin miễn phí, có thể cho rằng TVQG hoạt động như một thư viện công cộng. Với lịch sử hơn một thế kỷ xây dựng và phát triển, TVQG đang sở hữu tổng số tài nguyên thông tin vượt trội, là nguồn thông tin

lớn nhất trong lãnh thổ quốc gia, với hơn 2,5 triệu đơn vị tư liệu và hơn 11 triệu trang tài nguyên số tự tạo lập và thu nhận. Từ giữa những năm 1980, TVQG, đã tiên phong trong việc triển khai ứng dụng tin học cho hoạt động thư viện, và từ đầu những năm 2000, thư viện đã bắt tay vào việc xây dựng những trang tài liệu số cho thư viện số đầu tiên. Hiện tại, TVQG tiếp tục khẳng định vị trí và vai trò của mình trong hệ thống thư viện cả nước không chỉ bởi những đóng góp to lớn của mình, mà còn đóng vai trò là trung tâm kết nối, mang lại cơ hội truy cập nguồn tài nguyên cho hàng triệu người dùng hàng năm.

Trong bối cảnh công nghệ thông tin đã phát triển vượt bậc, người sử dụng tại TVQG đã tận dụng công nghệ và kiến thức kỹ thuật, cho phép họ dễ dàng tiếp cận và tận dụng các dịch vụ số của thư viện. Điều này cho phép họ khai thác và sử dụng hiệu quả các tài liệu số, sách điện tử, tạp chí và các nguồn thông tin trực tuyến tại TVQG, đồng thời có thể tham gia vào các khóa học trực tuyến, học qua mạng và các hoạt động giáo dục từ xa.

Tuy nhiên, một số khác chưa có nhiều cơ hội trong việc truy cập công nghệ. Họ có thể không có thiết bị cá nhân hoặc không đủ kiến thức kỹ thuật để sử dụng Internet và các dịch vụ trực tuyến. Điều này gây ra sự không công bằng trong việc tiếp cận thông tin và kiến thức, ảnh hưởng đến khả năng tham gia vào xã hội thông qua việc học tập và truyền thông.

Các yếu tố tạo nên khoảng cách số của người dùng thư viện có thể bao gồm: Thiết bị truy cập; Chi trả truy cập; Kỹ năng và kiến thức trong việc truy cập.

Để giải quyết vấn đề khoảng cách số của người dùng thư viện, TVQG đã triển khai các hoạt động hỗ trợ người dùng thư viện trong việc nghiên cứu, học tập như: cung cấp truy cập Internet; mở các lớp đào tạo về sử dụng thư viện, trong đó nhấn mạnh công tác khai thác, tìm kiếm và sử dụng thông tin, sử dụng thiết bị công nghệ truy cập Internet để làm tăng hiệu quả trong việc giúp bạn đọc sử dụng thư viện; đa dạng hóa nguồn thông tin bằng cách tạo lập các bộ sưu tập số; toàn cầu hóa trong hoạt động thư viện bằng các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thư viện.

3.2 Cung cấp truy cập vào Internet:

Trong định hướng phát triển thành một thư viện hiện đại, TVQG ưu tiên phát triển hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT). Song song với việc cố gắng đạt chuẩn hóa như các thư viện quốc gia

trên thế giới, với hạ tầng công nghệ hiện có là nền tảng để TVQG triển khai các ứng dụng chuyên môn, các giải pháp công nghệ phục vụ cho phát triển thư viện số. Hạ tầng công nghệ tại TVQG tiêu biểu có thể kể đến như:

- Đường truyền Internet: Hiện tại TVQG được trang bị đường truyền Internet kênh riêng (Leased-line) tốc độ cao đạt 150Mbps trong nước và 10Mbps quốc tế, đường truyền này đã đảm bảo việc phục vụ công tác chuyên môn, triển khai các dịch vụ trực tuyến. Đặc biệt, TVQG phục vụ người sử dụng với hệ thống Wifi miễn phí phủ kín toàn bộ các khu vực phục vụ người dùng tin.

- Hệ thống máy tính: TVQG có hơn 200 máy trạm đồng bộ với cấu hình mạnh và 15 máy chủ chức năng vận hành quản trị mạng, xây dựng thư viện điện tử, thư viện số, cổng thông tin và hệ thống thông tin liên lạc.

- Hệ thống tra cứu thông tin thư viện với hơn 50 máy trạm được lắp đặt đầy đủ ở các phòng phục vụ người dùng thư viện tra cứu thường xuyên cơ sở dữ liệu thư mục, cơ sở dữ liệu số do thư viện tạo lập và mua quyền sử dụng, truy cập Internet.

Không chỉ trang bị phương tiện và đường truyền miễn phí, giúp bạn đọc được truy cập đầy đủ các nguồn thông tin số tại TVQG, truy cập Internet, TVQG còn cung cấp không gian nghiên cứu, học tập, trao đổi cho người dùng thư viện một cách thuận tiện.

Trong số đó, “Không gian chia sẻ trí thức” là không gian kết hợp các thiết bị công nghệ với nguồn tài nguyên tri thức của TVQG và các hoạt động mang tính định hướng và truyền cảm hứng để tạo nên một không gian học tập, chia sẻ tri thức được gọi là Không gian chia sẻ S-hub với ý tưởng “Thư viện thông minh 2.0”, bao gồm: Chia sẻ ý tưởng, chia sẻ kỹ năng, chia sẻ thông tin, tài liệu... mô hình này được coi như là vườn ươm ý tưởng, khơi gợi sáng tạo, thúc đẩy học tập và đổi mới, thư viện công cộng cần cung cấp những môi trường và tiện ích để cộng đồng tạo ra kiến thức và trao đổi các ý tưởng bên ngoài hệ thống giáo dục chính quy tại các nhà trường.

3.3 Đào tạo, hướng dẫn người dùng tin

Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc cả hai hình thức tại chỗ và trực tuyến, hàng năm với hơn 320 ngày mở cửa, cấp mới từ 8-12 nghìn thẻ đọc, phục vụ trực tuyến và tại chỗ gần từ 2-4 triệu lượt truy cập. Để người dùng thư viện nắm được kiến thức sử dụng thư viện, đặc biệt là kỹ năng tìm kiếm thông tin, kỹ năng sử dụng

máy tính để truy cập Internet, TVQG mở các lớp “Hướng dẫn sử dụng thư viện”. Trải qua lớp hướng dẫn, người dùng thư viện mới không còn bỡ ngỡ về việc sử dụng thiết bị máy tính

tại thư viện để tìm kiếm thông tin, sử dụng thông tin, đồng thời tăng hiệu quả sử dụng thư viện cho mục đích học tập, nghiên cứu của mình.

STT	Lớp HD sử dụng thư viện	Số lượng	Học viên
1	2018	52	893
2	2019	48	622
3	2020	43	458
4	2021	25	266
5	2022	55	456
6	2023	50	460

Bảng 1: Số lượng lớp học và học viên trong các năm từ 2018-2023

3.4 Tạo lập, tổ chức quản lý và khai thác thư viện số:

Để hình thành và phát triển một thư viện hiện đại, công tác số hóa tài liệu tại TVQG, được chú trọng và khởi động từ những năm 2000 và được đẩy mạnh nhanh chóng từ năm 2006-2009. Đặc biệt, TVQG đã đột phá với dự án “Tăng cường năng lực Thư viện số và Bảo quản số tại TVQG”

được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đầu tư năm 2012, dự án đã cung cấp cho TVQG hạ tầng công nghệ thông tin trợ giúp cho công tác số hóa và phát triển nguồn tài liệu số một cách đồng bộ, đảm bảo công tác số hóa tài liệu, bảo tồn văn hóa, lịch sử, khoa học của dân tộc cùng với việc tạo thêm nhiều cơ hội cho bạn đọc tiếp cận đến các nguồn thông tin quý giá thư viện đang lưu giữ.



Mô hình cấu trúc thư viện số tại TVQG

TVQG đã xây dựng được nguồn lực tài liệu số hóa đa dạng là dữ liệu số ở dạng thư mục và các bộ sưu tập quan trọng đang phục vụ rộng rãi bạn đọc thông qua hai hình thức trực tuyến

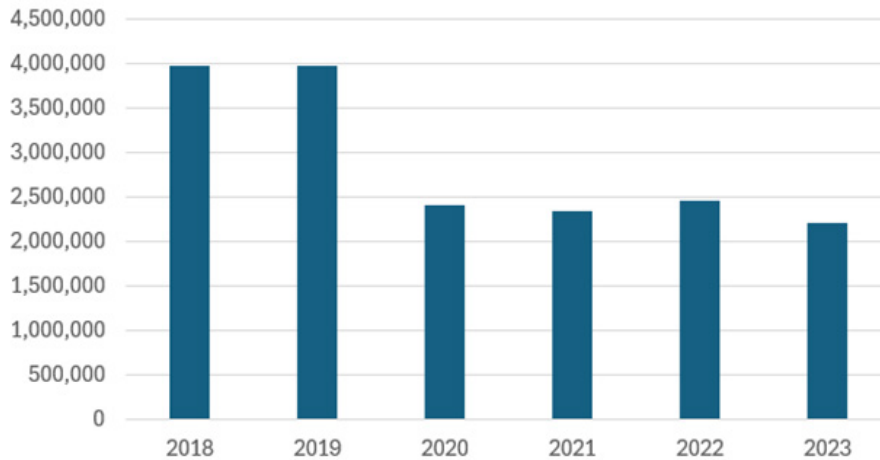
và trong mạng nội bộ, tùy từng loại và tính chất tài liệu. Hiện tại, TVQG đang cung cấp giải pháp truy cập từ xa đến tất cả các bộ sưu tập số hiện có.

STT	Tên Bộ sưu tập số/CSDL	Số lượng	Đơn vị	Số trang
1	OPAC	918.000	Biểu ghi	
2	Luận án Tiến sĩ	34.000	Bộ	7.600.000
3	Báo, Tạp chí Đông Dương	120.000	Số	1.373.000
4	Sách Đông Dương	8.000	Tên	367.050
5	Sách Hán Nôm	1.950	Tên	147.995
6	Sách tiếng Anh viết về Việt Nam	338	Tên	92.520
7	Các bộ sưu tập khác (Sách chuyển dạng Microform, Luận án của người VN ở nước ngoài, CD-DVD..)			1.000.000

Các nguồn thông tin cơ bản TVQG

Đối với nguồn tài nguyên thông tin ở dạng cơ sở dữ liệu bài báo, sách điện tử mua quyền truy cập trực tuyến được bổ sung từ các nhà xuất bản

như: IGroup Publishing; Springer Nature; SAGE Journal, ProQuest... TVQG thực hiện tổ chức phục vụ trong mạng nội bộ (LAN) của thư viện.



Số lượng bản đọc truy cập tại chỗ và trực tuyến qua các năm

Để dễ dàng hơn cho người sử dụng thư viện tìm kiếm và sử dụng các loại tài liệu này, TVQG đã tạo lập phần mềm tra cứu để tìm kiếm các cuốn sách đã mua trên một giao diện duy nhất mà người sử dụng không phải tra tìm tài liệu ở mỗi cơ sở dữ liệu khác nhau. Kết quả tìm kiếm sẽ hiển thị đường liên kết (link) gốc của tài liệu và việc hiển thị toàn văn tài liệu sẽ do cơ sở dữ liệu tương ứng đảm trách.

3.5 Hợp tác quốc tế:

Trong hoạt động hợp tác quốc tế, TVQG hiện có quan hệ hợp tác đều đặn với 80 thư viện thuộc 30 quốc gia trên thế giới trên các phương diện trao đổi tài liệu, trao đổi và đào tạo cán bộ, tổ chức sự kiện, triển khai các dự án hợp tác liên quốc gia. Ngoài ra, TVQG tích cực tham gia và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thành viên của Hội nghề nghiệp quốc tế như: Hiệp hội quốc tế các hội và cơ quan thư viện (IFLA), Đại hội cán bộ thư viện các quốc gia Đông Nam Á (CONSAL), Hội nghị Giám đốc Thư viện quốc gia các nước trên thế giới (CDNL) và trong khu vực Châu Á - Châu Đại Dương (CDNLAO); Mạng lưới các Thư viện Quốc gia số của các nước nói tiếng Pháp (RFBNN), đồng thời tích cực thiện hiện triển khai các hoạt động mang lại lợi ích cho người dân nói chung và người sử dụng nói riêng.

Trong công tác xây dựng nội dung số phục vụ người dùng tin khai thác trên môi trường Internet, TVQG đã tích cực thúc đẩy hợp tác với các cơ quan, tổ chức nước ngoài trong các dự án như: Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu chung CONSAL; Dự án

Thư viện điện tử bằng tiếng Pháp cho vùng Châu Á – Thái Bình Dương (BEFAP); Dự án số hóa tài liệu Hán Nôm (2006).

Trong công tác phổ cập Internet cho người dùng thư viện và người dân nói chung, TVQG đã triển khai thành công Dự án thí điểm nâng cao năng lực công nghệ thông tin cho cán bộ thư viện do Quỹ Bill and Melinda Gates/ Hoa Kỳ tài trợ thông qua Quỹ Châu Á là đơn vị điều phối chính triển khai trên 3 mảng hoạt động: (i) khảo sát nhu cầu đào tạo và thực trạng năng lực của 99 thư viện và điểm Bưu điện văn hóa xã, (ii) tổ chức 15 lớp đào tạo Kỹ năng phục vụ bạn đọc cho 255 cán bộ thư viện tỉnh, huyện, xã, cán bộ văn hóa và điểm Bưu điện văn hóa xã, (iii) tổ chức 45 ngày hội Internet trên 3 tỉnh Thái Nguyên, Nghệ An và Trà Vinh để cổ vũ việc sử dụng máy tính và Internet phục vụ công việc, học tập và đời sống cho nhân dân từ năm 2009-2010.

IV. KẾT LUẬN

Thư viện Quốc gia Việt Nam đóng vai trò quan trọng và tích cực trong việc làm giảm khoảng cách số của người dùng thư viện. Bằng việc cung cấp truy cập Internet bằng máy tính miễn phí tại thư viện, cung cấp không gian học tập, làm việc và nghiên cứu thoáng mát, thuận tiện. Thư viện đang ngày tạo ra một môi trường thân thiện, sáng tạo giúp cho hàng nghìn bạn đọc đến thư viện mỗi năm, đặc biệt là những người có điều kiện khó khăn, thiếu thốn thiết bị và phương tiện để truy cập, học tập và nghiên cứu.

TVQG cũng đã nỗ lực không ngừng trong việc

tổ chức quản lý và phát triển thư viện số, cung cấp nguồn tài liệu số phong phú, đa dạng và dễ dàng tiếp cận. Đặc biệt, thông qua công tác hợp tác quốc tế, TVQG đã đa dạng hóa nguồn tài liệu ngoại văn đến với bạn đọc.

Trong nỗ lực làm giảm khoảng cách số của người dùng thư viện, Thư viện Quốc gia Việt Nam đã thực hiện rất nhiều các biện pháp đáng kể để

đảm bảo mọi người dùng tin đều có cơ hội tiếp cận với thông tin và tri thức từ công nghệ thông tin. Với những thành tựu đáng kể này, thư viện đã khẳng định vai trò quan trọng trong việc xây dựng một xã hội thông tin, phát triển bền vững và tiến bộ của Việt Nam trong thời đại kỹ thuật số và ghi dấu ấn đặc biệt trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- OECD (2001-01-01), “Understanding the Digital Divide”, OECD Digital Economy Papers, No. 49, OECD Publishing, Paris. <http://dx.doi.org/10.1787/236405667766>
- Islam, Md & Tsuji, Keita. (2011). Bridging digital divide in Bangladesh: Study on Community Information Centers. *The Electronic Library*. 29. 506-522. 10.1108/02640471111156768.
- Devendra Kumar Gautam. (2014). Impact of Digital Divide and Public Libraries. *IOSR Journal Of Humanities And Social Science (IOSR-JHSS)* Volume 19, Issue 12, Ver. IV (Dec. 2014), PP 59-63
- Manžuch, Zinaida & Maceviciute, Elena. (2018). Back to the Future: The Roles of Public Libraries in Diminishing Digital Divide in Scenarios by 2023. 10.13140/RG.2.2.20058.03521.
- Salanje, Geoffrey. (2023). The role of librarians in bridging the digital divide in developing countries: a case for Malawi.
- Colin Rhinesmith and Sarit Nisim (2019). Digital Inclusion in Public Libraries: Evaluating the Impact of Mobile Internet Kits. <https://rhinesmith.com/>
- Thư viện Quốc gia Việt Nam, Báo cáo Tổng kết Thư viện Quốc gia Việt Nam các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023. Nguồn: <http://nlv.gov.vn>
- Kiều Thuý Nga (2017), Thư viện Quốc gia Việt Nam - Một thế kỷ hình thành, phát triển và chặng đường phía trước, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*. - 2017. - Số 6. - Tr. 3-13.
- Lê Đức Thắng (2017). Giới thiệu công tác số hoá tài liệu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam. *Tạp chí Thư viện Việt Nam*. - 2017. - Số 6. Tr. 50.
- Thư viện Quốc gia Việt Nam. *Hoạt động hợp tác quốc tế của Thư viện Quốc gia Việt Nam*. Nguồn: <https://nlv.gov.vn/hop-tac-quoc-te/hoat-dong-hop-tac-quoc-te-cua-thu-vien-quoc-gia-viet-nam.html>. (Truy cập 10:30, ngày 14/10/2024).
- Luật số 67/2006/QH11 của Quốc hội. Luật Công nghệ thông tin. Nguồn: <https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=29137>. (Truy cập 10:45, ngày 14/10/2024).
- Luật số 46/2019/QH14 của Quốc hội. Luật Thư viện. Nguồn: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=198547>. (Truy cập 11:00, ngày 14/10/2024). TK 126xxx2425